UBND TỈNH QUẢNG TRỊ

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học**

**năm học 2025 - 2026**

**C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành: Đại học Công nghệ thông tin**

**Khóa: 64**

| **STT** | **Tên môn học** | **Mục đích môn học** | **Số tín chỉ** | **Lịch trình giảng dạy** | **Phương pháp đánh giá sinh viên** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Nhận dạng và xử lý ảnh | Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về lĩnh vực nhận dạng và xử lý ảnh số, các kỹ thuật nâng cao chất lượng ảnh. Sinh viên nắm được các kiến thức về nhận dạng và xử lý ảnh số, các kỹ thuật nâng cao chất lượng ảnh. Thông qua học phần này sinh viên có thể rèn luyện được kỹ năng lập trình xử lý ảnh trên máy tính và nâng cao kỹ năng lập trình. | 3 | Học kỳ VII | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Trí tuệ nhân tạo | Học phần cung cấp các kiến thức tổng quan về trí tuệ nhân tạo và các bài toán ứng dụng của trí tuệ nhân tạo trong thực tiển. Sinh viên nắm được phương pháp giải quyết bài toán bằng trí tuệ nhân tạo và vận dụng được trong giải bài toán tìm kiếm lời giải trên đồ thị, chứng minh bằng logic mệnh đề. Thông quan học phần này sinh viên có thể rèn luyện được kỹ năng lập trình ứng dụng có tính thông minh và nâng cao kỹ năng lập trình. | 3 | Học kỳ VII | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Đồ án 2 | Học phần đồ án 2 giúp sinh viên mở rộng kiến thức đã học để phát triển một ứng dụng hoàn chỉnh. | 3 | Học kỳ VII | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Hệ chuyên gia | Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về biểu diễn tri thức, các kỹ thuật suy diễn, kỹ thuật – công nghệ xử lý tri thức chuyên gia, tạo lập hệ chuyên gia ứng dụng và phương pháp học máy. | 3 | Học kỳ VII | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Chuyên đề 3  (Tự chọn) | Cập nhật vào nội dung chương trình các kỹ thuật công nghệ theo một hướng chuyên môn hoặc các hướng phát triển ứng dụng thuộc về chuyên ngành Công nghệ thông tin. | 2 | Học kỳ VII | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Chuyên đề 4  (Tự chọn) | Cập nhật vào nội dung chương trình các kỹ thuật công nghệ theo một hướng chuyên môn hoặc các hướng phát triển ứng dụng thuộc về chuyên ngành Công nghệ thông tin. | 2 | Học kỳ VII | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Học máy  (Tự chọn) | Học phần cung cấp các kiến thức tổng quan về khái niệm cơ sở và nâng cao về học máy. Sinh viên nắm được các kiến thức về học máy để có thể giải quyết những bài toán thực tế liên quan đến trí tuệ nhân tạo. Thông qua học phần này sinh viên có thể rèn luyện được kỹ năng xây dựng ứng dụng có áp dụng các kỹ thuật học máy và nâng cao kỹ năng lập trình. | 2 | Học kỳ VII | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Hệ cơ sở tri thức  (Tự chọn) | Học phần cung cấp các kiến thức tổng quan và chi tiết về Hệ cơ sở tri thức, một số kỹ thuật cơ bản trong Hệ cơ sở tri thức. | 2 | Học kỳ VII | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Hệ điều hành Linux  (Tự chọn) | Học phần cung cấp các kiến thức tổng quan về Hệ điều hành mã nguồn mở Linux. Sinh viên nắm được các kiến thức về hệ điều hành Linux để có thể sử dụng nó thay thế cho hệ điều hành Windows khi có nhu cầu. Thông qua học phần này sinh viên có thể rèn luyện và nâng cao kỹ năng sử dụng hệ điều hành Linux cũng như các thao tác trên dòng lệnh. | 2 | Học kỳ VII | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Thực tập cuối khóa |  | 8 | Học kỳ VIII |  |
|  | **Khóa luận TN** |  | 7 | Học kỳ VIII |  |

Quảng Bình, ngày tháng năm 2025

**NGƯỜI LẬP BIỂU TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**TS. Hoàng Văn Thành TS. Đậu Mạnh Hoàn**

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học**

**năm học 2025 - 2026**

**C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành: Đại học Công nghệ thông tin**

**Khóa 65**

| **STT** | **Tên môn học** | **Mục đích môn học** | **Số tín chỉ** | **Lịch trình giảng dạy** | **Phương pháp đánh giá sinh viên** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Phương pháp nghiên cứu khoa học | Phần Nghiên cứu khoa học giúp sinh viên có thể tiếp cận với nghiên cứu khoa học thông qua các hoạt động như thực hiện các chuyên đề hay đồ án môn học, tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp khoa, cấp trường và công trình nghiên cứu đầy đủ nhất đó là khi thực hiện luận văn hay đồ án tốt nghiệp. Những cử nhân, kỹ sư mới ra trường làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp đòi hỏi phải có kiến thức và có phương pháp nghiên cứu khoa học mới có thể phát triển được công tác chuyên môn. | 2 | Học kỳ V | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Chuyên đề khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ | Học phần cung cấp các khái niệm về Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ; các bộ công cụ quản lý doanh nghiệp, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Nhận dạng cơ hội kinh doanh, bảo hộ sở hữu trí tuệ | 1 | Học kỳ V | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Mạng máy tính | Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng trong lĩnh vực mạng máy tính và truyền thông. Học phần cung cấp các kiến thức về mạng máy tính, kiến trúc mạng máy tính, các thiết bị mạng, các phương pháp truy nhập mạng cục bộ, mô hình OSI, mô hình TCP/IP, các kỹ thuật mạng LANs, WANs, chuẩn của IEEE, và các dịch vụ mạng Internet, các khái niệm về an toàn mạng máy tính. | 3 | Học kỳ V | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Thiết kế và lập trình Web | Học phần trang bị cho sinh viên kỹ thuật – công nghệ của ngôn ngữ lập trình Web để thiết kế và cài đặt Web bao gồm cả Web tĩnh và Web động. | 3 | Học kỳ V | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Thực tập cơ sở | Chương trình thực tập cơ sở thực hiện được các ứng dụng liên quan đến các học phần đã học. Chương trình thực tế chuyên môn nhằm giúp sinh viên tiếp cận được với các đơn vị nghiên cứu, đào tạo hoặc kinh doanh dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông, giúp sinh viên có kiến thức tổng quan về việc phát triển ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong thực tiễn, từ đó có định hướng trong học tập và nghiên cứu chuyên sâu. | 3 | Học kỳ V | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | ***Tự chọn:*** |  | 6/10 |  |  |
|  | Chương trình dịch | Cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về nguyên lý của một chương trình dịch, tổng quan về các loại chương trình dịch, cấu trúc thành phần của một chương trình dịch và nắm vững về lý thuyết về xây dựng chương trình dịch, tập trung vào phân tích từ vựng, phân tích cú pháp, phân tích ngữ nghĩa. | 2 | Học kỳ V | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Đồ họa máy tính | Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về đồ họa, các thuật toán về đồ họa, các chế độ và môi trường lập trình liên quan đến đồ họa. | 2 | Học kỳ V | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Lập trình mạng | Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức về lập trình mạng bao gồm các kỹ thuật lập trình dựa trên Socket và một số kỹ thuật lập trình phân tán để ứng dụng nó trong những ứng dụng mạng. | 2 | Học kỳ V | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Nguyên lý và kỹ thuật lập trình | Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức từ cơ bản đến nâng cao của thiết kế và lập trình: lập trình cơ bản, thuật toán, phân tích thuật toán. | 2 | Học kỳ V | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Thương mại điện tử | Môn học này cung cấp kiến thức tổng quát về lĩnh vực kinh doanh và thực thi thương mại thông qua các phương tiện điện tử dựa trên nền tảng công nghệ hiện đại như web, các ứng dụng di động, nền tảng số, thương mại điện tử (eCommerce). Giới thiệu các mô hình, cách thức quản lý và triển khai các ứng dụng thương mại trên nền tảng công nghệ hiện tại. | 2 | Học kỳ V | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Công nghệ phần mềm | Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức, phương pháp, nguyên tắc liên quan tới quá trình triển khai, lập kế hoạch, phân tích, thiết kế, cài đặt, kiểm tra, bảo trì…một sản phẩm phần mềm theo quy trình công nghệ phần mềm chuyên nghiệp | 3 | Học kỳ VI | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Tương tác Người - Máy | Học phần cung cấp các kiến thức tổng quan về các hệ tương tác, yếu tố con người và yếu tố máy tính trong quá trình tương tác, các dạng tương tác, giao diện. Quy trình xây dựng thiết kế giao diện người dùng. Sinh viên nắm được các kiến thức về tương tác để có thể xây dựng giao diện cho các chương trình ứng dụng. Thông qua học phần này sinh viên có thể rèn luyện được kỹ năng lập giao diện trên máy tính và nâng cao kỹ năng lập trình. | 3 | Học kỳ VI | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Đồ án 1 | Học phần đồ án 1 giúp sinh viên củng cố, mở rộng kiến thức đã học qua các học phần OOP, hệ quản trị CSDL, thiết kế và lập trình web, bằng cách phát triển một ứng dụng trên các nền tảng khác nhau: windows, web hoặc thiết bị di động. | 3 | Học kỳ VI | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | ***Tự chọn*** |  | ***8/12*** |  |  |
|  | Lý thuyết mật mã & an toàn dữ liệu | Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về mật mã học. Giúp cho sinh viên hiểu và nắm được một số thuật toánmã hoá quantrọng trong mật mã cổ điển và mật mã khóa công khai. Giúp cho sinh viên hiểu và nắm đượcmột số vấn đề quan trọng trong các dịch vụ an toàn thông tin như xác thực và đảm bảo tínhtoàn vẹn. Giúp cho sinh viên hiểu được một số thủ tục ứng dụng trong thực tế như chữ ký số,trao đổi và phân phối khoá. | 2 | Học kỳ VI | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Các hệ thống thông minh | Học phần cung cấp các kiến thức tổng quan về các hệ thống thông minh. Sinh viên có hiểu biết nhất định về hệ thống thông minh và vận dụng được trong việc đề xuất một hệ thống thông minh. Thông qua học phần này sinh viên có thể rèn luyện được kỹ năng lập trình ứng dụng có tính thông minh và nâng cao kỹ năng lập trình. | 2 | Học kỳ VI | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Chuyên đề 1 | Chuyên đề 1 cập nhật vào nội dung chương trình các kiến thức, kỹ thuật và công nghệ theo hướng chuyên môn hoặc các hướng phát triển ứng dụng thuộc chuyên ngành Công nghệ thông tin. | 2 | Học kỳ VI | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Chuyên đề 2 | Cập nhật vào nội dung chương trình các kỹ thuật công nghệ theo một hướng chuyên môn hoặc các hướng phát triển ứng dụng thuộc về chuyên ngành Công nghệ thông tin. | 2 | Học kỳ VI | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Vi xử lý | Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về các bộ vi xử lý, cấu trúc lệnh trong bộ vi xử lý, tổ chức phần cứng và lập trình cho hệ vi xử lý. Trên cơ sở đó sinh viên có khả năng sử dụng, khai thác và thiết kế các ứng dụng cụ thể, cũng như việc tìm hiểu, khai thác cấu trúc bên trong của các máy vi tính để kết nối thiết bị ngoại vi nâng cao ứng dụng của máy tính. | 2 | Học kỳ VI | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |
|  | Quản trị mạng | Trang bị cho sinh viên Các kiến thức và kỹ thuật cơ bản về quản trị mạng máy tính, nhằm khai thác sử dụng các dịch vụ của hệ thống mạng máy tính một cách hiệu quả, đúng yêu cầu kỹ thuật, đúng mục đích sử dụng, đồng thời có thể xử lý một số sự cố kỹ thuật đơn giản trên hệ thống mạng máy tính. | 2 | Học kỳ VI | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/báo cáo/Thực hành |

Quảng Bình, ngày tháng năm 2025

**NGƯỜI LẬP BIỂU TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**TS. Hoàng Văn Thành TS. Đậu Mạnh Hoàn**

UBND TỈNH QUẢNG TRỊ

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học**

**năm học 2025 - 2026**

**C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành: Đại học Công nghệ thông tin**

**Khóa 66**

| **STT** | **Tên môn học** | **Mục đích môn học** | **Số tín chỉ** | **Lịch trình giảng dạy** | **Phương pháp đánh giá sinh viên** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Kinh tế chính trị Mác - Lênin | Sinh viên được trang bị những kiến thức lý luận cơ bản của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin. | 2 | Học kỳ III | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Tiếng Anh 3 | Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có năng lực tiếng Anh ở trình độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN) | 3 | Học kỳ III | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Phương pháp nghiên cứu khoa học | Phần Nghiên cứu khoa học giúp sinh viên có thể tiếp cận với nghiên cứu khoa học thông qua các hoạt động như thực hiện các chuyên đề hay đồ án môn học, tham gia thực hiện đề tài nghiên cứu khoa học cấp khoa, cấp trường và công trình nghiên cứu đầy đủ nhất đó là khi thực hiện luận văn hay đồ án tốt nghiệp. Những cử nhân, kỹ sư mới ra trường làm việc trong các cơ quan, doanh nghiệp đòi hỏi phải có kiến thức và có phương pháp nghiên cứu khoa học mới có thể phát triển được công tác chuyên môn. | 2 | Học kỳ III | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Chuyên đề khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ | Học phần cung cấp các khái niệm về Khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ; các bộ công cụ quản lý doanh nghiệp, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo. Nhận dạng cơ hội kinh doanh, bảo hộ sở hữu trí tuệ | 1 | Học kỳ III | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Lập trình hướng đối tượng nâng cao | Học phần lập trình hướng đối tượng nâng cao giúp sinh viên hiểu sâu hơn về lập trình hướng đối tượng. Đồng thời cung cấp thêm cho sinh viên các đặc trưng của kỹ thuật lập trình hướng đối tượng như tính kế thừa, tính đa hình. Vận dụng vào giải quyết một số bài toán thực tế và dự án môn học bằng ngôn ngữ lập trình C++. | 2 | Học kỳ III | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/Thực hành/Vấn đáp/Tiểu luận |
|  | Cơ sở dữ liệu | Học phần cung cấp các kiến thức tổng quan về các khái niệm cơ bản liên quan đến cơ sở dữ liệu, các mô hình cơ sở dữ liệu thông dụng, các ngôn ngữ thao tác dữ liệu, tổ chức dữ liệu vật lý. Ngoài ra học phần còn cung cấp các kiến thức về các ràng buộc dữ liệu, lý thuyết về thiết kế một cơ sở dữ liệu. | 3 | Học kỳ III | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Mạng máy tính | Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng trong lĩnh vực mạng máy tính và truyền thông. Học phần cung cấp các kiến thức về mạng máy tính, kiến trúc mạng máy tính, các thiết bị mạng, các phương pháp truy nhập mạng cục bộ, mô hình OSI, mô hình TCP/IP, các kỹ thuật mạng LANs, WANs, chuẩn của IEEE, và các dịch vụ mạng Internet, các khái niệm về an toàn mạng máy tính. | 3 | Học kỳ III | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/Thực hành/Vấn đáp/Tiểu luận |
|  | Chủ nghĩa xã hội khoa học | Cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản, cốt lõi và chuyên sâu về CNXHKH, từ đó hình thành các kỹ năng cơ bản và kỹ năng chuyên ngành để phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về chính trị - xã hội liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Đồng thời hình thành và phát triển thái độ tích cực, năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với các hoạt động của cộng đồng xã hội. | 2 | Học kỳ IV | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Tiếng Anh chuyên ngành | Học phần tiếng Anh chuyên ngành công nghệ thông tin cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng và các thuật ngữ cơ bản bằng tiếng Anh trong lĩnh vực Công nghệ thông tin. Thông qua việc học các thể loại văn bản tiếng Anh liên quan đến khoa học máy tính và sản phẩm công nghệ thông tin nói chung, sinh viên sẽ củng cố thêm các kiến thức chuyên ngành mình đang học. Học phần còn giúp sinh viên củng cố và nâng cao các mẫu cấu trúc ngôn ngữ đã học cũng như các mẫu cấu trúc ngôn ngữ được sử dụng nhiều trong tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin. | 2 | Học kỳ IV | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Toán rời rạc | Toán rời rạc cung cấp các kiến thức cơ bản về bài toán đếm và hệ thức truy hồi, các kiến thức về lý thuyết đồ thị. Đồng thời, môn học này cũng giới thiệu về các bài toán tối ưu trên đồ thị, các bài toán trên cây cũng như đại số boole. Người học có khả năng vận dụng các kiến thức toán vào thiết kế, phân tích và đánh giá thuật toán | 2 | Học kỳ IV | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Hệ quản trị cơ sở dữ liệu | Học phần cung cấp các kiến thức về hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server. Sinh viên biết sử dụng, lập trình trong hệ quản trị cơ sở dữ liệu SQL Server để xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu. Biết thiết lập bảo mật và đảm bảo an toàn dữ liệu. | 3 | Học kỳ IV | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Thiết kế nội dung truyền thông | Giúp sinh viên sinh viên có những ý tưởng sáng tạo, kiến thức cơ bản về nội dung truyền thông, tiến trình phát triển trong thời đại số. Cung cấp các công cụ về đồ họa, dựng phim để xây dựng những sản phẩm truyền thông. Giúp sinh viên thực hiện các nhiệm vụ học tập, ứng dụng cơ bản thiết kế các sản phẩm truyền thông vào các hoạt động truyền thông của cơ sở | 2 | Học kỳ IV | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Ngôn ngữ lập trình Python | Học phần cung cấp các kiến thức tổng quan về ngôn ngữ lập trình Python. Sinh viên nắm được các kiến thức về ngôn ngữ Python để có thể xây dựng các chương trình ứng dụng. Thông qua học phần này sinh viên có thể rèn luyện và nâng cao kỹ năng lập trình. | 3 | Học kỳ IV | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/Vấn đáp/Tiểu luận |
|  | Phát triển ứng dụng Web | Học phần trang bị cho sinh viên kỹ thuật – công nghệ của ngôn ngữ lập trình Web để thiết kế và cài đặt Web bao gồm cả Web tĩnh và Web động. | 3 | Học kỳ IV | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/Vấn đáp/Tiểu luận |

Quảng Bình, ngày tháng năm 2025

**NGƯỜI LẬP BIỂU TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**TS. Hoàng Văn Thành TS. Đậu Mạnh Hoàn**

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG TRỊ**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế của cơ sở giáo dục đại học**

**năm học 2025 - 2026**

**C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành: Đại học Công nghệ thông tin**

**Khóa 67**

| **STT** | **Tên môn học** | **Mục đích môn học** | **Số tín chỉ** | **Lịch trình giảng dạy** | **Phương pháp đánh giá sinh viên** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tiếng Anh 1 | Giúp sinh viên phát triển kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh trình độ tiền B1 | 2 | Học kỳ I | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Tiếng Việt 1 (*dành cho sinh viên Lào*) | Cung cấp cho sinh viên Lào những kiến thức nâng cao về tiếng Việt cho người nước ngoài | 2 | Học kỳ I | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Toán cao cấp | Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức cơ bản về toán học như: hàm số, ma trận, hệ phương trình tuyến tính, vi phân, tích phân (tích phân bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng) để sinh viên có đủ khả năng tiếp thu các kiến thức cơ sở và chuyên môn. | 3 | Học kỳ I | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Tin học đại cương | Học phần Tin học đại cương trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, hệ điều hành và sử dụng các ứng dụng văn phòng của bộ Microsoft Office. Sinh viên có thể sử dụng thành thạo các ứng dụng MS Word, MS Excel, MS Powerpoint từ cơ bản đến nâng cao cho công việc. | 3 | Học kỳ I | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Nguyên lý cơ bản về máy tính | Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về kiến trúc máy tính, giúp cho sinh viên nắm bắt được các khả năng và hoạt động của các dòng họ máy tính, các phương pháp truy nhập bộ nhớ, quản lý thiết bị và tài nguyên của máy tính, quy trình hoạt động của máy PC, trên cơ sở đó khai thác và sử dụng hiệu quả các loại máy tính hiện hành. Học phần trang bị kiến thức về hệ điều hành máy tính, quan trọng nhất là hiểu rõ hệ điều hành là gì, từ đó hiểu rõ bản chất của hệ thống máy tính được cấu tạo như thế nào và cách quản lý máy tính của hệ điều hành. Là học phần cơ sở để trang bị cho sinh viên những kiến thức để chuẩn bị cho những học phần khác sau này. | 3 | Học kỳ I | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Thực hành lắp ráp, bảo trì máy tính | Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản về cấu tạo cơ bản của hệ thống máy tính giúp sinh viên học tập và nghiên cứu môn học lắp ráp, bảo trì máy tính. | 1 | Học kỳ I | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Ngôn ngữ lập trình C | Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ lập trình C giúp sinh viên giải quyết các bài toán thông qua ngôn ngữ lập trình; hình thành tư duy lập trình; làm quen với các bộ biên tập mã nguồn; rèn luyện kỹ năng lập trình. | 3 | Học kỳ I | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Đồ họa ứng dụng | Cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản về lý thuyết và các bài tập cơ bản của hai phần mềm đồ họa ứng dụng phổ biến hiện nay là Corel Draw và Photoshop. Giúp sinh viên thực hiện được các nhiệm vụ học tập và ứng dụng cơ bản vào thiết kế đồ họa. | 2 | Học kỳ I | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Triết học Mác – Lênin | Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất về Triết học Mác – Lênin, trọng tâm là các nguyên lý, quy luật, phạm trù của triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội. Từ đó, góp phần hình thành niềm tin về lý tưởng cách mạng cộng sản, có năng lực thích ứng, phương pháp biện chứng khi phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn cuộc sống. | 3 | Học kỳ II | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Tiếng Anh 2 | Giúp sinh viên cũng cố, phát triển kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ tiền B1. | 2 | Học kỳ II | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Tiếng Việt 2 (*dành cho sinh viên Lào*) | Cung cấp cho sinh viên Lào những kiến thức nâng cao về tiếng Việt cho người nước ngoài | 2 | Học kỳ II | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Cấu trúc dữ liệu & giải thuật | Học phần này giúp sinh viên thực sự hiểu được tầm quan trọng, kiến thức cơ bản của thuật toán và cách tổ chức dữ liệu. Sinh viên được cung cấp những kiến thức cơ bản về các kiểu cấu trúc dữ liệu thông dụng và các giải thuật trên các cấu trúc dữ liệu ấy như danh sách (list), mảng (array), danh sách liên kết (linked list), ngăn xếp (stack), hàng đợi (queue), cây (tree) và đồ thị (graph). Đồng thời cung cấp cho sinh viên các thuật toán sắp xếp, tìm kiếm và một số kỹ thuật liên quan. Thông quan học phần này sinh viên có thể rèn luyện được kỹ năng lập trình ứng dụng có tính thông minh và nâng cao kỹ năng lập trình. | 3 | Học kỳ II | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi thực hành/báo cáo |
|  | Nhập môn lập trình hướng đối tượng | Học phần Nhập môn lập trình hướng đối tượng giúp sinh viên hiểu được các vấn đề về các nguyên lý cơ bản trong lập trình hướng đối tượng và thực hành với ngôn ngữ lập trình C++. | 2 | Học kỳ II | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết/thực hành/báo cáo |
|  | Xác suất thống kê | Học phần cung cấp một số khái niệm, kết quả cơ bản về xác suất thống kê. Sinh viên thấy được xác suất thống kê là một ngành khoa học gắn liền với thực tế, các kiến thức, phương pháp của thống kê có nhiều ứng dụng trong thực tiễn. | 2 | Học kỳ II | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Thiết kế và Lập trình Web | Học phần trang bị cho sinh viên kỹ thuật – công nghệ của ngôn ngữ lập trình Web để thiết kế và cài đặt Web bao gồm cả Web tĩnh và Web động. | 3 | Học kỳ II | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |
|  | Marketing số | Giúp sinh viên sinh viên có khả năng nhận biết được các công cụ Digital marketing để vận dụng vào quá trình lập kế hoạch truyền thông marketing. Đồng thời có thể đọc và phân tích các số liệu tương ứng với từng công cụ trong việc đo lường hiệu quả của hoạt động Digital Marketing. | 2 | Học kỳ II | Thái độ CC, KT thường xuyên, Thi viết |

Quảng Bình, ngày tháng năm 2025

**NGƯỜI LẬP BIỂU TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

**TS. Hoàng Văn Thành TS. Đậu Mạnh Hoàn**